



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Chu Quang Vũ	Thành viên (từ ngày 11/4/2024)
Ông Đặng Ngọc Khánh	Thành viên (từ ngày 11/4/2024)	
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 27 tháng 6 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty là 5.076.544 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: 225.966 triệu VND).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

1101031/1511

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Hung Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00118-24-1



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		646.477.929.265	1.952.862.915.275
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	182.852.641.175	140.727.541.395
Tiền	111		52.502.641.175	46.727.541.395
Các khoản tương đương tiền	112		130.350.000.000	94.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		277.946.575.342	1.723.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16.1	277.946.575.342	1.723.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.363.969.161	60.797.808.095
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	30.082.589.012	21.408.154.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.614.521.512	5.158.517.332
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.1	6.666.858.637	34.231.135.971
Hàng tồn kho	140	12	66.593.780.266	-
Hàng tồn kho	141		66.593.780.266	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		71.720.963.321	28.137.565.785
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.1	68.604.689.658	26.599.963.581
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.969.163.861	1.111.952.104
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	1.147.109.802	425.650.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		76.184.813.919.921	70.033.739.172.711
Các khoản phải thu dài hạn	210		264.495.000.000	238.495.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	260.400.000.000	234.400.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	11.2	4.095.000.000	4.095.000.000
Tài sản cố định	220		83.403.945.496	89.971.855.877
Tài sản cố định hữu hình	221	13	74.155.331.386	79.533.592.271
Nguyên giá	222		191.044.612.143	190.164.283.764
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.889.280.757)	(110.630.691.493)
Tài sản cố định vô hình	227	14	9.248.614.110	10.438.263.606
Nguyên giá	228		29.362.833.440	30.402.518.840
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.114.219.330)	(19.964.255.234)
Bất động sản đầu tư	230	15	98.923.722.802	105.404.399.206
Nguyên giá	231		259.227.056.200	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(160.303.333.398)	(153.822.656.994)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.435.104.000	878.040.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.435.104.000	878.040.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		75.732.847.420.000	69.595.845.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	16.2	75.732.847.420.000	69.595.845.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.708.727.623	3.144.877.628
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.2	3.708.727.623	3.144.877.628
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		76.831.291.849.186	71.986.602.087.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.219.402.331.912	1.185.506.910.198
Nợ ngắn hạn	310		1.219.402.331.912	1.185.506.910.198
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	22.828.297.193	33.188.675.961
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	320.191.110	16.679.109.917
Phải trả người lao động	314		1.398.543.749	3.592.060.863
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.639.102.857	111.111.111
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.583.668.168	3.203.074.994
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	12.469.495.283	10.118.430.068
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	1.178.163.033.552	1.118.614.447.284
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		75.611.889.517.274	70.801.095.177.788
Vốn chủ sở hữu	410	23	75.611.889.517.274	70.801.095.177.788
Vốn cổ phần	411	24	63.962.502.000.000	58.147.857.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.962.502.000.000	58.147.857.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	3.211.560.416.270
Quỹ đầu tư phát triển	418		790.996.872.665	790.996.872.665
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.858.390.644.609	8.650.680.888.853
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		5.781.846.305.123	6.162.848.673.052
- LNST năm nay	421b		5.076.544.339.486	2.487.832.215.801
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		76.831.291.849.186	71.986.602.087.986

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	62.561.626.570	66.031.724.926
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	48.605.318.118	50.213.055.482
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		13.956.308.452	15.818.669.444
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	5.107.061.479.938	442.708.306.383
Chi phí tài chính	22		-	130.489.686.956
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	129.874.302.340
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	44.227.832.288	102.100.014.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		5.076.789.956.102	225.937.274.719
Thu nhập khác	31		231.819.104	28.935.633
Chi phí khác	32		477.435.720	191.841
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(245.616.616)	28.743.792
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.076.544.339.486	225.966.018.511
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		5.076.544.339.486	225.966.018.511

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.076.544.339.486	225.966.018.511
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.335.606.065	22.207.261.093
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	615.384.616
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.106.815.820.127)	(404.568.458.774)
Chi phí lãi vay	06		-	129.874.302.340
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(6.935.874.576)	(25.905.492.214)
Biến động các khoản phải thu	09		545.631.569	57.897.727.982
Biến động hàng tồn kho	10		(66.593.780.266)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.354.672.751)	(5.374.438.528)
Biến động chi phí trả trước	12		(42.568.576.072)	(23.811.222.745)
			(124.907.272.096)	2.806.574.495
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(131.635.110.456)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.980.955.505)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(205.835.638.732)	(138.049.435.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(347.723.866.333)	(266.877.971.658)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(11.687.294.000)	(22.093.598.958)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		231.818.182	-
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.354.946.575.342)	(885.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		2.774.200.000.000	2.630.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(6.437.000.000.000)	(890.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		299.997.580.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		5.119.092.433.273	3.338.150.766.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		389.887.962.113	4.171.357.167.574

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	760.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.863.153.845.934)
Tiền trả cổ tức	36		(38.996.000)	(48.500.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.996.000)	(3.103.202.346.283)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		42.125.099.780	801.276.849.633
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		140.727.541.395	139.679.224.341
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	182.852.641.175	940.956.073.974

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

1.2 Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, mua bán các sản phẩm thép và đầu tư tài chính.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 5 công ty con cấp 1 (1/1/2024: 5 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 16.2.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 133 nhân viên (1/1/2024: 127 nhân viên).

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, các chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 10 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.7 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

3.8 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

3.11 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.12 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.14 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(b) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(c) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.15 Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

3.17 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4 Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5 Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6 Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7 Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

18

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8 Tiền và các khoản tương đương tiền

8.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	989.214.723	597.141.307
Tiền gửi ngân hàng	51.513.426.452	46.130.400.088
Các khoản tương đương tiền	130.350.000.000	94.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	182.852.641.175	140.727.541.395
	<hr/>	<hr/>

8.2 Tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	427	9.766.773	446	10.224.846
		<hr/>		<hr/>

9 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	8.460.316.343	5.595.505.660
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	7.646.795.536	5.653.738.361
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	5.060.876.622	3.234.135.533
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	4.979.631.711	2.847.470.888
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	1.010.534.970	2.058.360.592
Các bên liên quan khác	2.920.055.173	2.014.565.101
Bên khác		
Các khách hàng khác	4.378.657	4.378.657
	<hr/>	<hr/>
	30.082.589.012	21.408.154.792
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10 Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan			
<i>Công ty con</i>			
Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	2027 - 2028	120.400.000.000	79.400.000.000
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	2027	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Phụ Kiện Cơ Khí Hoà Phát	2026	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	2024	-	115.000.000.000
		260.400.000.000	234.400.000.000

Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Trong kỳ, các khoản cho vay này hưởng mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại (2023: lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại).

11 Phải thu khác

11.1 Phải thu ngắn hạn khác

(a) *Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo khoản mục:*

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền lãi dự thu	3.765.910.679	15.579.911.768
Phải thu từ thanh toán hộ bên liên quan	784.407.944	16.886.609.540
Phải thu khác	2.116.540.014	1.764.614.663
	6.666.858.637	34.231.135.971

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo đối tượng:**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty con		
Các công ty con khác	784.407.944	16.886.609.540
Bên khác		
Các bên khác	5.882.450.693	17.344.526.431
	6.666.858.637	34.231.135.971

11.2 Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ, ký cược có thời gian thu hồi trên 12 tháng.

12 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện các chi phí liên quan đến các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho các công ty con chưa được bàn giao/quyết toán và chưa được hoàn thành.

12/1
NG
HIỆP
PH
1/1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	6.884.450.941	5.962.725.845	80.067.351.463	97.249.755.515	190.164.283.764
Tăng trong kỳ	-	-	8.888.430.000	2.241.800.000	11.130.230.000
Thanh lý và xóa sổ	(1.197.155.298)	-	(4.023.597.034)	(5.029.149.289)	(10.249.901.621)
Số dư cuối kỳ	5.687.295.643	5.962.725.845	84.932.184.429	94.462.406.226	191.044.612.143
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4.031.040.831	5.065.615.958	46.277.322.365	55.256.712.339	110.630.691.493
Khấu hao trong kỳ	334.246.694	122.909.184	5.293.751.652	10.280.147.635	16.031.055.165
Thanh lý và xóa sổ	(723.442.224)	-	(4.023.597.034)	(5.025.426.643)	(9.772.465.901)
Số dư cuối kỳ	3.641.845.301	5.188.525.142	47.547.476.983	60.511.433.331	116.889.280.757
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	2.853.410.110	897.109.887	33.790.029.098	41.993.043.176	79.533.592.271
Số dư cuối kỳ	2.045.450.342	774.200.703	37.384.707.446	33.950.972.895	74.155.331.386

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 40.135 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 48.842 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.755.408.500	27.647.110.340	30.402.518.840
Xóa sổ	-	(1.039.685.400)	(1.039.685.400)
Số dư cuối kỳ	2.755.408.500	26.607.424.940	29.362.833.440
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	19.964.255.234	19.964.255.234
Khấu hao trong kỳ	-	1.189.649.496	1.189.649.496
Xóa sổ	-	(1.039.685.400)	(1.039.685.400)
Số dư cuối kỳ	-	20.114.219.330	20.114.219.330
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.755.408.500	7.682.855.106	10.438.263.606
Số dư cuối kỳ	2.755.408.500	6.493.205.610	9.248.614.110

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 17.865 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 18.904 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	153.822.656.994
Khấu hao trong kỳ	6.480.676.404
Số dư cuối kỳ	160.303.333.398
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	105.404.399.206
Số dư cuối kỳ	98.923.722.802

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16 Các khoản đầu tư tài chính

16.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	277.946.575.342	277.946.575.342
		1.723.200.000.000
		1.723.200.000.000

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng, hưởng lãi suất từ 3,4% đến 5,4%/năm (1/1/2024: từ 5,5% đến 9,2%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2024		1/1/2024	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:				
Công ty con				
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (i)	99,999%	99,999%	2.799.977.420.000	3.099.975.000.000
Công ty CP Gang thép Hòa Phát (ii)	99,999%	99,999%	58.436.220.000.000	53.999.220.000.000
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát (iii)	99,995%	99,995%	7.499.650.000.000	5.499.650.000.000
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	99,967%	99,967%	5.998.000.000.000	5.998.000.000.000
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	99,900%	99,900%	999.000.000.000	999.000.000.000
			75.732.847.420.000 (*)	69.595.845.000.000 (*)

- (i) Ngày 26 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết giảm vốn góp 300.000.000.000 VND vào Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thu hồi đủ khoản giảm vốn đầu tư này.
- (ii) Ngày 11 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 5.800.000.000.000 VND vào Công ty CP Gang thép Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã góp 4.437.000.000.000 VND trên tổng vốn bổ sung đã cam kết. Số vốn còn lại sẽ được góp theo kế hoạch được duyệt.
- (iii) Ngày 20 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp 2.380.000.000.000 VND vào Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã góp 2.000.000.000.000 VND trên tổng vốn bổ sung đã cam kết. Số vốn còn lại sẽ được góp theo kế hoạch được duyệt.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17 Chi phí trả trước

17.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	48.175.917.476	7.956.026.000
Chi phí thuê văn phòng	13.765.329.697	15.370.685.679
Chi phí khác	6.663.442.485	3.273.251.902
	<hr/>	<hr/>
	68.604.689.658	26.599.963.581
	<hr/>	<hr/>

17.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa	Công cụ	Chi phí khác	Tổng cộng
	văn phòng	và dụng cụ	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.247.122.178	716.568.954	181.186.496	3.144.877.628
Tăng trong kỳ	1.615.400.420	50.077.778	-	1.665.478.198
Phân bổ trong kỳ	(934.740.165)	(96.217.040)	(70.670.998)	(1.101.628.203)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.927.782.433	670.429.692	110.515.498	3.708.727.623
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18 Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan	157.775.000	-
Bên khác		
Công ty cổ phần WINMEDIA	1.116.686.133	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Trí Việt	673.543.840	1.786.533.520
Công ty cổ phần Thương mại In Nhật Nam	-	4.247.069.658
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo		
Song Thành công	-	2.020.340.000
Các nhà cung cấp khác	20.880.292.220	25.134.732.783
	<hr/>	<hr/>
	22.828.297.193	33.188.675.961

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19 Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024		Số phát sinh trong năm		30/6/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp/bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	-	775.329.394	(775.329.394)	425.650.100	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	419.614.114	14.750.730.966	(14.850.153.970)	-	320.191.110
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.259.495.803	-	(16.980.955.505)	721.459.702	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	7.847.966	(7.847.966)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	256.319.147	(256.319.147)	-	-
Thuế, phí khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
	425.650.100	16.679.109.917	15.797.227.473	(32.877.605.982)	1.147.109.802	320.191.110

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lương thưởng	2.639.102.857	-
Chi phí phải trả khác	-	111.111.111
	2.639.102.857	111.111.111
	2.639.102.857	111.111.111

21 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	811.266.631	850.262.631
Phải trả khác	11.658.228.652	9.268.167.437
	12.469.495.283	10.118.430.068
	12.469.495.283	10.118.430.068

22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.118.614.447.284	1.404.846.516.798
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	265.750.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(206.201.413.732)	(127.187.155.331)
	1.178.163.033.552	1.277.659.361.467
	1.178.163.033.552	1.277.659.361.467

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23 Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	803.140.822.060	6.162.848.673.052	68.325.406.911.382
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	225.966.018.511	225.966.018.511
Sử dụng trong kỳ	-	-	(11.228.055.366)	-	(11.228.055.366)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	791.912.766.694	6.388.814.691.563	68.540.144.874.527
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	790.996.872.665	8.650.680.888.853	70.801.095.177.788
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.076.544.339.486	5.076.544.339.486
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 25)	5.814.645.000.000	(3.211.560.416.270)	-	(2.603.084.583.730)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(265.750.000.000)	(265.750.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	63.962.502.000.000	-	790.996.872.665	10.858.390.644.609	75.611.889.517.274



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24 Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2024		30/6/2023	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	581.464.500	5.814.645.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25 Cổ tức

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông theo tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 23 tháng 4 năm 2024. Ngày 3 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng việc phát hành cổ phiếu.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết thêm là 581.464.500 cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 36, trong đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 58.147.857.000.000 VND lên 63.962.502.000.000 VND do kết quả của việc phát hành cổ tức để trả cổ phiếu.

26 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	49.005.176.916	49.036.792.980
Trong vòng hai đến năm năm	139.324.253.614	207.860.483.170
Sau năm năm	183.691.597.196	154.971.391.970
	<hr/>	<hr/>
	372.021.027.726	411.868.668.120
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, dịch vụ đã cung cấp và cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Cung cấp dịch vụ	48.180.826.570	51.260.924.926
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	14.380.800.000	14.770.800.000
	62.561.626.570	66.031.724.926

28 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Dịch vụ đã cung cấp	42.124.641.714	42.889.193.342
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	6.480.676.404	7.323.862.140
	48.605.318.118	50.213.055.482

29 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	30.781.266.141	172.845.458.774
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	5.076.280.171.524	231.723.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.273	38.139.847.609
	5.107.061.479.938	442.708.306.383

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.958.691.295	15.884.674.507
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	788.603.931	1.505.642.040
Chi phí khấu hao	6.047.509.480	14.255.846.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.704.885.380	38.969.792.151
Phí kiểm toán báo cáo tài chính	518.000.000	508.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.210.142.202	30.976.058.855
	<hr/>	<hr/>
	44.227.832.288	102.100.014.152

31 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	22.238.789.851	15.884.674.507
Chi phí khấu hao	23.335.606.065	22.207.261.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.678.301.573	83.245.075.179
Chi phí khác	19.174.233.183	30.976.058.855

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32 Thuế thu nhập

32.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.076.544.339.486	225.966.018.511
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	14.012.884.139	28.394.927.026
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	(5.076.280.171.524)	(231.723.000.000)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(14.277.052.101)	(22.637.945.537)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

32.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	30/6/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	112.049.288.371	22.409.857.674	126.326.340.472	25.265.268.094

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	111.841.990.567
2028	Chưa quyết toán	207.297.804
		112.049.288.371

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích tính thuế của khoản mục đó.

32.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty con		
Công ty CP Gang thép Hòa Phát		
Góp vốn	4.437.000.000.000	890.000.000.000
Lợi nhuận được chia từ công ty con	1.537.199.305.610	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	1.537.199.305.610	1.853.000.000.000
Công ty CP Sản phẩm Thép Hòa Phát		
Góp vốn	2.000.000.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	3.063.337.098.588	231.723.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	3.063.337.098.588	631.700.000.000
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	370.000.000.000
Các khoản vay	-	50.000.000.000
Thanh toán khoản vay	-	50.000.000.000
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	31.210.205.656	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	31.210.205.656	50.000.000.000
Các khoản cho vay	-	165.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	1.622.706.239
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát		
Rút vốn	299.997.580.000	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	444.533.561.670	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	444.533.561.670	300.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	475.000.000	568.750.000
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông		
Cung cấp dịch vụ	907.796.952	925.549.154
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương		
Cung cấp dịch vụ	13.753.580.824	14.112.233.071
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất		
Cung cấp dịch vụ	8.040.614.630	8.112.780.487
Các khoản cho vay	-	50.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	-	177.000.000.000
Các khoản vay	-	450.000.000.000
Thanh toán khoản vay	-	450.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<i>Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</i>		
Cung cấp dịch vụ	10.562.752.125	11.640.388.696
<i>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	7.732.971.099	7.516.092.350
Các khoản cho vay	840.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	840.000.000.000	-
Các khoản vay	-	184.400.000.000
Thanh toán khoản vay	-	184.400.000.000
<i>Công ty TNHH Tôn Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	9.628.978.087	11.352.007.461
<i>Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.233.453.801	1.232.024.864
<i>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.733.425.765	2.129.256.262
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.335.679.338	1.321.622.117
<i>Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	62.506.323	54.479.829
Các khoản cho vay	-	195.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	115.000.000.000	390.000.000.000
<i>Công ty TNHH Harmonia</i>		
Mua hàng hóa dịch vụ	367.841.110	45.040.001
<i>Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	49.470.155	46.055.580
<i>Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	26.223.421	20.838.379
Nhận thanh toán gốc vay	-	57.000.000.000
<i>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	64.351.926	58.806.922
<i>Công ty CP Xây dựng Long Việt</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.338.082.118	1.329.476.877
Mua hàng hóa dịch vụ	381.138.000	926.722.500
<i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	935.409.958	917.772.740

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	1.527.846.863	1.505.002.127
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên		
Cung cấp dịch vụ	747.968.552	744.453.905
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình		
Các khoản cho vay	-	70.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	-	233.200.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng		
Nhận thanh toán gốc vay	-	145.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước		
Cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ		
Cung cấp dịch vụ	720.952.630	723.420.867
Mua hàng hóa dịch vụ	39.042.000	38.461.500
Các khoản cho vay	100.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát		
Nhận thanh toán gốc vay	-	83.000.000.000
Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát		
Các khoản cho vay	-	30.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	-	30.000.000.000
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	30.738.210	54.901.303
Các khoản vay	-	50.000.000.000
Thanh toán khoản vay	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.642.650.539	-
Mua hàng hóa dịch vụ	116.756.000	-
Các khoản cho vay	86.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	45.000.000.000	-
Công ty cổ phần Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ		
Các khoản cho vay	-	25.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố mới		
Cung cấp dịch vụ	-	240.781.819
Mua hàng hóa dịch vụ	461.034.762	-
Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát		
Các khoản vay	-	75.600.000.000
Thanh toán khoản vay	-	75.600.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy		
Các khoản cho vay	-	10.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	-	10.000.000.000
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	106.252.000.000	27.720.000.000
Thành viên của Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	2.763.894.000	2.000.800.000
Thành viên của Ban Kiểm soát		
Thù lao, lương và thưởng	1.967.834.151	1.368.621.299
Cán bộ quản lý chủ chốt khác		
Lương và thưởng	997.214.424	1.373.588.360



34 Thông tin so sánh

Thông tin sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Nguyễn Diệu Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc